

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HSST

Ngày 04 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Tùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Minh

2. Ông Phạm Mạnh Biện

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Lệ Thy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/HSST, ngày 05 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/HSST - QĐXX ngày 08/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐ - HPT ngày 22/6/2018, đối với bị cáo: **Trần Đình T**, sinh năm 1991, tại tỉnh Bình Phước, Hộ khẩu thường trú và nơi ở tại tổ 09, khu phố PhB, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Tên gọi khác: Mập, Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Đình Tr, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964, bị cáo có vợ tên Trương Thị Kim C và có 01 người con, sinh năm 2012.

Tiền án: 01, ngày 09/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện HQu, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", ngày 20/5/2016 chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: 02, ngày 29/9/2017 Trần Đình T bị Công an thị xã BL phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Tâm chưa chấp hành quyết định xử phạt. Ngày 6/2/2018 Trần Đình T bị Công an thị xã BL lập hồ sơ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ủy ban nhân dân phường AL áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 23/2/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 14/3/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Bùi Văn Ngh, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 2, ấp 4, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn Ngh là bà Bùi Thị X, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Trú tại tổ 2, ấp 4, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 4, khu phố PhH II, phường PhĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.
2. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1998 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 7, ấp 7, xã TKh, huyện HQu, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ, ngày 05/3/2018, đối tượng Trần Đình T, anh Bùi Văn Ngh, anh Phạm Văn H và một người tên Trang (chưa rõ nhân thân) thuê phòng trọ số 6 nhà nghỉ Hoàng Anh, tọa lạc tại tổ 4, khu phố PhH II, phường PhĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước để nghỉ. Đến sáng ngày 06/3/2018, H và Tr về trước, do anh Ngh và T không có tiền trả tiền thuê phòng nên anh Ngh về nơi ở tại xã MH, huyện ChTh để lấy tiền, trong ví của Ngh còn 4.540.000đ (bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), anh Ngh để ví lên giường rồi chơi game. T phát hiện trong ví của anh Ngh có nhiều tiền nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để tiêu xài. Lợi dụng anh Ngh chơi game không để ý, T lén lút lấy 4.340.000đ (bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) trong ví anh Ngh rồi giấu ví dưới gối gần chỗ anh Ngh nằm. T thanh toán tiền phòng hết 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), trong đó 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền thuê phòng ngày 06/3/2018 và 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền thuê phòng T thiếu nợ trước đó rồi đón xe lên thành phố Hồ Chí Minh chơi. Khi anh Ngh phát hiện bị mất tiền, nghi ngờ do T lấy, đã gọi điện thoại cho T nhiều lần để đòi lại nhưng T không trả nên ngày 09/3/2018, anh Ngh đến Công an phường PhĐ trình báo sự việc. Quá trình điều tra T khai nhận đã lén lút, bí mật lấy của anh Bùi Văn Ngh số tiền 4.340.000đ (bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về mặt dân sự: Anh Ngh tự nguyện trả 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền thuê phòng ngày 06/3/2018, đồng thời yêu cầu T hoàn trả số tiền 4.090.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) là số tiền T chiếm đoạt của anh Ngh. Quá trình điều tra, T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 1.202.000đ (một triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng) để khắc phục hậu quả trả lại cho anh Ngh.

Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, bị cáo T còn giao nộp các đồ vật, tài sản, giấy tờ cá nhân gồm: 01 (một) ví da màu nâu; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank số 9764038696673995; Một CMND tên Trần Đình T số 285337111; 01 Giấy phép lái xe tên Trần Đình T số AK 563678; 01 thẻ bảo hiểm y tế tên Trần Đình T số 4707022060102; Hai tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 01 USD; Một thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng là giấy tờ và tài sản cá nhân của T không liên quan đến vụ án nên cần áp dụng Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho T.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSBL ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL đã truy tố Trần Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt Trần Đình T mức án tù từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã BL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã BL, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo Trần Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 06/3/2018 Trần Đình T phát hiện trong ví da của anh Bùi Văn Ngh có tiền nên đã lén lút chiếm đoạt số tiền 4.340.000đ (bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) tại phòng số 6 Nhà nghỉ biển hiệu Hoàng Anh tọa lạc tại tổ 4, khu phố PhH II, phường Ph Đ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước sau đó bỏ trốn về Thành phố Hồ chí Minh. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng trong vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện tội phạm phù hợp với các tài, liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng số 22/CT-VKS BL ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL đã truy tố Trần Đình T là đúng người, đúng tội. Bị cáo T đã thành khẩn khai báo, nhận ra lỗi lầm của mình chỉ xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp, chấp hành tốt sớm được hòa nhập cộng đồng, bị cáo hứa không tái phạm.

Vào ngày 05 và ngày 06/3/2018 bị cáo Trần Đình T thuê phòng nghỉ trọ ở chung với anh Bùi Văn Ngh tại nhà nghỉ Hoàng Anh, tọa lạc tại tổ 4, khu phố PhH II, phường PhĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước đến ngày 06/3/2018 phát hiện trong ví của Ngh có nhiều tiền nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để tiêu xài. Lợi dụng Ngh chơi game không để ý, T lén lút chiếm 4.340.000đ (bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) trong ví của anh Ngh rồi giấu ví dưới gối gần chỗ anh Ngh nằm, sau đó T thanh toán tiền phòng của bị cáo và phòng của anh Ngh hết 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) số tiền còn lại sử dụng vào mục đích cá nhân. Bị cáo có nhân thân xấu: Tại bản án số 40/2010/HSST ngày 22/9/2010 của Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh Bình Phước xử phạt Trần Đình T 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, đã

chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. Tại bản án số 59/2014/HSST ngày 09/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện HQu, tỉnh Bình Phước xử phạt Trần Đình T 2 năm tù về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích, lần này phạm tội bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có hai tiền sự: Ngày 29/9/2017 Trần Đình T bị Công an thị xã BL phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Tâm chưa chấp hành quyết định xử phạt. Ngày 6/2/2018 Trần Đình T bị Công an thị xã BL lập hồ sơ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ủy ban nhân dân phường AL, thị xã BL áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 23/2/2018.

Bản thân bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vẫn thực hiện thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo. Hành vi lén lút chiếm đoạt tiền của anh Ngh là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của bị hại, làm mất trật tự. Cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới đủ tính răn đe đối với bị cáo, đồng thời giáo dục, phòng ngừa chung. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, rèn luyện trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo đã giao nộp số tiền 1.202.000 đồng để khắc phục hậu quả, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề xuất mức án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] **Về trách nhiệm dân sự:** Anh Bùi Văn Ngh tự nguyện trả 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền thuê phòng ngày 06/3/2018, đồng thời yêu cầu Tâm hoàn trả cho anh Nghĩa số tiền 4.090.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Quá trình điều tra bị cáo T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 1.202.000đ (một triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng) để hoàn trả cho anh Ngh, số tiền còn lại cần phải buộc bị cáo T có nghĩa vụ trả cho anh Ngh 2.888.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng).

[4] **Vật chứng của vụ án:** Một ví da màu nâu; một thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank số 9764038696673995; một CMND tên Trần Đình T số 285337111; một Giấy phép lái xe tên Trần Đình T số AK 563678; một thẻ bảo hiểm y tế tên Trần Đình T số 4707022060102; Hai tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 01 USD; một thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo Tâm.

[5] **Về án phí:** Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Đình T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt Trần Đình T 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 14/3/2018).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Trả cho anh Bùi Văn Ngh số tiền 1.202.000đ (một triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng) tiền của bị cáo Trần Đình T giao nộp.

Bị cáo Trần Đình T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Bùi Văn Ngh 2.888.000đ (hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Trả tại cho Trần Đình T tài sản gồm: Một ví da màu nâu; một thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank số 9764038696673995; một CMND tên Trần Đình T số 285337111; một Giấy phép lái xe tên Trần Đình T số AK 563678; một thẻ bảo hiểm y tế tên Trần Đình T số 4707022060102; Hai tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 01 USD; một thẻ điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng.

4. Về Án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Đình T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 144.400đ (một trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã BL;
- Bị cáo, Dương sự;
- Công an thị xã BL;
- Phòng PV27 – CAT Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- CCTHA TX Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Tùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Minh Phạm Mạnh Biện

Lê Đình Tùng

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã BL;
- Bị cáo, Đương sự;
- Công an thị xã BL;
- CCTHA TX Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Tùng